

Bài viết được trích yếu từ nội dung của đề tài cấp nhà nước KX01 - 04 thuộc chương trình KX01 "Kinh tế thị trường định hướng XHCN". Đề tài đã được nghiệm thu bởi HĐKH cấp nhà nước tổ chức ngày 5.3.2005 tại Hà Nội. Công trình được HĐ đánh giá cao kết quả nghiên cứu và xếp loại xuất sắc. HĐ nghiệm thu cấp nhà nước cũng nhất trí đề nghị cho xuất bản thành sách để phát hành rộng rãi.

Những đóng góp mới này, đồng thời cũng là những kiến nghị gửi đến HĐ lý luận TW, nhằm góp tiếng nói vào việc chuẩn bị văn kiện ĐHĐB ĐCSVN lần thứ X.

Bắt nguồn từ nghiên cứu lý luận, kết hợp với khảo sát thực tế về sở hữu tư nhân và kinh tế tư nhân (SHTN & KTTN) ở VN trong cơ chế kinh tế thị trường; đồng thời đối chiếu từ những kinh nghiệm thực tiễn của các nền kinh tế thị trường phát triển trên thế giới cũng như xu thế hội nhập kinh tế quốc tế; Nhóm nghiên cứu đề tài KX 01-04 (thuộc chương trình KX 01 kinh tế thị trường định hướng XHCN ở VN), xin được đóng góp thêm những ý kiến về mặt lý luận, chính sách và cơ chế quản lý đối với SHTN&KTTN sau đây:

1. Đổi mới quan điểm lý luận (tư duy) về SHTN & KTTN

Trong điều kiện hiện nay, việc đổi mới tư duy lý luận nói trên, cần tập trung và các nội dung chủ yếu sau:

1.1. Sở hữu tư nhân và kinh tế tư nhân tồn tại và phát triển có tính tất yếu khách quan, chúng ta không thể áp đặt về khả năng tồn tại hay mức độ phát triển, tách với quy luật vận hành của nó; mà chỉ có thể vận dụng nó vào các lợi ích kinh tế của XH.

Như đã biết, sở hữu tư nhân có quy luật phát sinh, tồn tại, phát triển và sự kết thúc vai trò lịch sử của nó. Nguồn gốc sâu xa phát sinh sở hữu tư nhân gắn với hình thành nền kinh tế hàng hóa và đòi hỏi tất yếu của phân công lao động XH. Như vậy, sở hữu tư nhân và kinh tế tư nhân chỉ không còn lý do tồn tại khi hai phạm trù trên kết thúc vai trò lịch sử của

Những đóng góp mới của đề tài KX 01-04

(Về sở hữu tư nhân, kinh tế tư nhân và các loại hình kinh tế tư nhân: Bản chất, vị trí, vai trò của nó trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở VN).

GS.TS. NGUYỄN THANH TUYẾN

cơ chế thích ứng.

1.2. Khi nhận thức được bản chất và tầm quan trọng của quan hệ sở hữu, chúng ta cũng phải xác định trong thời kỳ quá độ lên CNXH mọi quyết sách, mọi biện pháp về kinh tế xã hội đều phải hướng vào mục tiêu chủ yếu là phát triển lực lượng sản xuất (LLSX) chứ không phải hướng mục đích vào vấn đề sở hữu hay thành phần kinh tế. Do vậy, việc xóa bỏ bất cứ loại hình kinh tế lỗi thời nào trước hết phải do LLSX quyết định.

Trong thời điểm hiện nay, quan điểm đúng đắn của chúng ta: phát triển LLSX, trước hết phải là sự phát triển chế độ kinh tế đa hình thức sở hữu. Quan điểm này xuất phát từ những lý do sau:

Thứ nhất, sở hữu vừa là quan hệ kinh tế, vừa là quan hệ pháp lý, vì vậy nếu không có sự biến đổi phù hợp thì LLSX sẽ bị kìm hãm và sẽ khó có sự phát triển thuận lợi. Tuy nhiên, bị kìm hãm tới mức nào đó thì LLSX tất yếu sẽ phá vỡ quan hệ sản xuất (QHSX) lỗi thời nhằm tạo lập chế độ sở hữu mới.

- Thực vậy, xét về thực chất trong quan hệ với LLSX thì sở hữu chỉ là một yếu tố trong QHSX, mà QHSX chỉ là hình thức phát triển của LLSX. QHSX và cùng với nó là quan hệ sở hữu chỉ phát huy được vai trò to lớn của mình khi nó phù hợp với tính chất và trình độ của LLSX mà thôi.

Thứ hai, phát triển LLSX là yếu tố quyết định bảo đảm cho sự phát triển bền vững, là cơ sở chủ yếu để nâng cao trình độ xã hội hóa nền sản xuất xã hội. Nó cũng là cơ sở kinh tế khách quan, nảy sinh nhu cầu xác lập sở hữu XHCN về tư liệu sản xuất. Về thực chất, nó tạo điều kiện thúc đẩy văn minh của con người hướng tới cuộc sống cộng đồng và gắn kết dân tộc.

Để có một nền sản xuất như vậy, ngày nay sự đan xen về sở hữu, sự tồn tại bình đẳng giữa các khu vực kinh tế đã trở

nó.

Trong hoạt động thực tiễn, sở hữu tư nhân là yếu tố "cốt lõi" của nền kinh tế hàng hóa và là nhân tố rất quan trọng của quan hệ sản xuất. Phân công lao động XH là tác nhân thúc đẩy sản xuất hàng hóa phát triển theo bề rộng và chiều sâu. Kinh tế hàng hóa phát triển ở trình độ cao, hình thành nền kinh tế thị trường. Kinh tế thị trường cao hơn kinh tế hàng hóa truyền thống về trình độ công nghệ, cơ cấu kinh tế, cơ chế quản lý và tính chất XH hóa của nó. VN phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN; mà đặc trưng vốn dĩ của kinh tế thị trường vẫn là đa sở hữu và nhiều thành phần kinh tế. Do vậy, sở hữu tư nhân và kinh tế tư nhân vẫn còn có vị thế và vai trò quan trọng, khi nền kinh tế chưa đạt tới trình độ "sở hữu XH" ("sở hữu toàn dân", theo quan điểm trước đây).

Trong điều kiện kinh tế thị trường phát triển, 2 yếu tố quan trọng "sống tồn" của nền kinh tế hàng hóa là sở hữu tư nhân và phân công lao động XH, đang có xu thế phát triển mạnh mẽ cả về chiều rộng và chiều sâu; vượt qua biên giới quốc gia, tiến tới XH hóa mang tính quốc tế.

Từ những căn cứ đó, cho thấy sở hữu tư nhân và kinh tế tư nhân, ngay trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN vẫn còn lý do phát triển lâu dài, không chỉ suốt thời kỳ quá độ mà ngay trong thời kỳ chưa hoàn thành xây dựng CNXH tức là khi nền kinh tế chưa đạt tới trình độ XH hóa (sở hữu XH) được xác định bởi định hướng XHCN.

Những phân tích trên cho thấy phạm trù sở hữu tư nhân và kinh tế tư nhân tồn tại phát triển và kết thúc vai trò của nó, có tính qui luật. Do đó, không tùy tiện phủ định vai trò lịch sử của nó, mà cần nhận thức để vận dụng tính qui luật trong đó việc hình thành các chính sách,

thành điều kiện thiết yếu không thể thiếu cho sự phát triển kinh tế và nó cũng là một trong những điều kiện cơ bản nhất để phát triển LLSX trong nền kinh tế thị trường hiện đại.

Thứ ba, V.I.Lênin đã từng nói: CNXH chỉ thực sự chiến thắng khi đạt được một năng suất lao động cao hơn chủ nghĩa tư bản (CNTB), một nền sản xuất ưu việt hơn CNTB. Đó chính là điều kiện cơ bản nhất để CNXH có thể có một QHSX ưu việt hơn CNTB.

Thứ tư, trong quá khứ các nước XHCN xây dựng mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung, đã đề cao mức vai trò của sở hữu khi cho rằng xác lập xong chế độ công hữu là chúng ta có ngay một chế độ XHCN ưu việt. Bởi lúc này, vấn đề sở hữu luôn được coi là mục tiêu cơ bản của mỗi chính sách. Nhưng thực trạng của các nước XHCN trong các thập niên 70, 80 của thế kỷ XX đã cho thấy quan điểm đó là không phù hợp với thực tiễn, thậm chí đi trái với quy luật kinh tế khách quan.

Đây cũng là bài học kinh nghiệm mà Đảng ta đã và đang từng bước điều chỉnh nhưng theo chúng tôi nó cần phải được khẳng định chính thức về mặt lý luận.

1.3. Đề nghị thay đổi thuật ngữ “thành phần kinh tế” thành “khu vực kinh tế”

Thuật ngữ “thành phần kinh tế” đến nay vẫn còn lưu “đấu ẩn” bởi nó gắn với phạm trù đấu tranh giai cấp và cải tạo các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh. Điều này đã gây ấn tượng về phân biệt đối xử, tâm trạng dao động trong đầu tư của kinh tế tư nhân và ngay cả tâm lý lo ngại về sự “phủ nhận” vai trò của nó trong thời điểm nào đó!

Để xóa bỏ định kiến này, theo chúng tôi cần thiết thay thế thuật ngữ “thành phần kinh tế” bằng “khu vực kinh tế” (sector of economy).

Mặc dù, sự “thay đổi” đó tưởng chừng như chỉ có tính hình thức nhưng thực tế lại mang ý nghĩa lớn về động lực, tâm lý và lợi ích kinh tế bền vững. Bởi nó cho phép động viên tối đa và lâu dài các nguồn lực đầu tư của kinh tế tư nhân phục vụ lợi ích cho quốc kế dân sinh. Mặt khác nó cũng phù hợp với “thông lệ” quốc tế trong xu thế VN hội nhập kinh tế toàn cầu. Theo đó, nên gọi đích danh các loại hình kinh tế tư: kinh tế cá

thể, kinh tế tư bản tư nhân (kinh tế tư nhân), kinh tế tư bản nước ngoài...

1.4. Bàn về vai trò “nền tảng của KTTN”. Nếu tạo điều kiện cho kinh tế tư nhân phát triển đúng với qui luật vận động của nó, thì kinh tế tư nhân có thể giữ vai trò nền tảng kinh tế trong thời kỳ quá độ và ngay trong thời kỳ xây dựng CNXH, làm chỗ dựa để phát huy mạnh mẽ vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước?

Nhóm nghiên cứu mạnh dạn nêu vấn đề này để tranh luận. Tuy nhiên, trước hết, cần làm rõ quan niệm về “nền tảng”. “Nền tảng” theo quan niệm của chúng tôi thực chất cũng là “cơ sở” hoặc “chỗ dựa”; không có ý nghĩa quyết định hay chi phối toàn diện với kinh tế (Ví dụ có thể nói, cấu trúc hạ tầng là cơ sở để phát triển kinh tế hoặc ở các nước chậm phát triển-nông nghiệp là cơ sở để phát triển công nghiệp...)

Luận cứ về vai trò “nền tảng” này, được bắt nguồn từ các nhân tố sau:

Thứ nhất, cũng cần nhắc lại rằng, SHTN và KTTN là đặc trưng của nền kinh tế thị trường. Nó có qui luật phát sinh, tồn tại phát triển và kết thúc vai trò lịch sử của nó, bởi sự quyết định của tính thích ứng giữa LLSX và QHSX. Chừng nào mà QHSX chưa đạt đến đỉnh điểm “sở hữu XH” (sở hữu toàn dân) thì khi đó KTTN vẫn tồn tại và phát triển xứng đáng với vị thế của nó.

Thứ hai, nội hàm của kinh tế thị trường định hướng XHCN ở VN được nhìn theo 2 góc độ:

(1) Để định hướng XHCN phải lấy KTTN làm chủ đạo. Bởi KTTN được coi như công cụ chịu sự chi phối về chế độ chính trị của nhà nước đó.

(2) Để có kinh tế thị trường, thì không thể không có KTTN (kinh tế nhiều thành phần). Vì KTTN không chỉ là “vốn tính” của kinh tế thị trường mà còn là động lực cơ bản của nền kinh tế đó. Do vậy, chỉ khi nào kinh tế thị trường “mất đi” thì kinh tế tư nhân mới không có lý do tồn tại.

Thứ ba, lợi thế của nền kinh tế tư nhân là phát triển trên diện rộng, hoạt động ở mọi cấp độ kinh tế, mọi trình độ công nghệ và qui mô. Có thể nói, sản phẩm của kinh tế tư nhân là phổ dụng, kinh tế tư nhân là kinh tế đại chúng, phục vụ rộng rãi và thiết thực trong mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội.

Thứ tư, thực tế sau 20 năm đổi mới

tư duy kinh tế và được “cởi trói”, kinh tế tư nhân phát triển không ngừng theo chiều rộng và chiều sâu, tạo động lực cạnh tranh và phát triển mạnh mẽ. Trước thực tiễn đó, Đảng và Nhà nước liên tục đổi mới chính sách và cơ chế khuyến khích phát triển kinh tế tư nhân cả về ngành nghề, qui mô kinh doanh và mọi lĩnh vực hoạt động XH (VH-giáo dục, y tế). Xu hướng này đang được cải thiện cùng với tiến trình toàn cầu hóa kinh tế.

Thứ năm, với xu thế này, KTTN đang phát triển bền vững, thực sự đã trở thành một bộ phận rất quan trọng cấu thành thực thể của nền kinh tế. Thêm vào đó sự khẳng định trong buổi đầu của thời kỳ đổi mới, bằng NQ của ĐH Đảng lần thứ VIII (6.1996): “Sản xuất hàng hóa không đối lập với CNXH mà là thành tựu phát triển của nền văn minh nhân loại... tồn tại khách quan cần thiết cho công cuộc xây dựng CNXH và khi CNXH đã được xây dựng”. Vốn tính của nền kinh tế hàng hóa là đa sở hữu, nhiều thành phần kinh tế do vậy, KTTN vẫn còn giữ vị thế quan trọng. Rõ ràng, KTTN phải được coi là một bộ phận rất cơ bản của kinh tế XHCN. Do đó không cần thiết có sự phân định về chính trị - xã hội mang tính chất phân biệt đối xử với KTTN. Điều này cũng có nghĩa là, nếu trong thời kỳ quá độ và ngay cả giai đoạn đầu xây dựng CNXH, mà KTTN giữ vai trò nền tảng làm chỗ dựa để phát huy vai trò chủ đạo của KTTN, thì cũng không làm nảy sinh mâu thuẫn có tính “đối kháng”, mà tạo nên hậu thuẫn tương hỗ trong quá trình đồng hành đến nền kinh tế thị trường định hướng XHCN.

Thứ sáu, đối chiếu với các nước có nền kinh tế thị trường phát triển, ở đây kinh tế tư nhân đang giữ vai trò thống trị, đã tạo ra thế lực và động lực mạnh mẽ trong tiến bộ kinh tế khoa học, công nghệ của thế giới... Trên thực tế các nước này đang chi phối kinh tế thế giới. Tại sao ở các nước kinh tế phát triển, kinh tế tư nhân đóng vai trò thống trị như vậy, mà trong phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN, kinh tế tư nhân không thể giữ vai trò “nền tảng” để kinh tế nhà nước phát huy vai trò chủ đạo một cách vững chắc.

Thứ bảy, kinh nghiệm lịch sử của các nước phát triển ở Tây Âu vào thập



Ảnh Hoà Tấn

niên 60 của thế kỷ 20, nhà nước chủ trương quốc hữu hóa các ngành kinh tế quan trọng. Gần 20 năm thực hiện chủ trương đó, nền kinh tế của các nước này phát triển thiếu năng động và hiệu quả. Đầu những năm 80 của thế kỷ 20, họ lại chuyển sang tư nhân hóa, đã tạo được những thành tựu kinh tế, khoa học, công nghệ vượt bậc; nổi bật là dấu ấn của thời đại CNTT.

Thứ tám, đạo lý của VN là “dân giàu, nước mạnh”. Đảng CSVN lại lấy dân làm gốc. Gốc vững mạnh, nhờ vào kinh tế mạnh. Kinh tế mạnh bởi mọi người dân biết làm giàu. Muốn vậy phải tạo điều kiện cho người dân làm giàu tùy theo sức của mình để góp phần vào phát triển kinh tế, là cơ sở để xây dựng XH dân chủ công bằng và văn minh.

Nói kinh tế tư nhân là nền tảng, vậy có mâu thuẫn gì với khẳng định vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước không? Theo chúng tôi, hoàn toàn không mâu thuẫn, bởi lẽ:

Một là, tiêu chí về vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước chủ yếu là ở mặt “định tính” (tính chất lượng, tính định hướng, tính chi phối). Điều này có nghĩa là vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước chỉ dựa trên một số ngành kinh tế then

chốt mũi nhọn và qui mô lớn, không nhất thiết có tỷ trọng lớn trong GDP. Như vậy dựa vào nền tảng kinh tế tư nhân để nhà nước thực hiện vai trò chủ đạo của mình bằng việc chi phối mọi quan hệ kinh tế.

Hai là, vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước chủ yếu được thực hiện thông qua kiến trúc thượng tầng như chính sách, cơ chế vận hành để thực hiện điều tiết kinh tế vĩ mô của Chính phủ. Đây là phương pháp gián tiếp nhưng đầy hiệu lực và hiệu quả.

Ngay cả khi kinh tế nhà nước chiếm tỷ trọng không đáng kể, thì Nhà nước (Chính phủ) vẫn chi phối được nền kinh tế thông qua chức năng kinh tế vốn dĩ của mình bằng các chính sách, luật pháp và cơ chế vận hành để điều tiết kinh tế theo định hướng của Nhà nước.

Ở đây cũng cần nhấn mạnh, nếu thừa nhận KTTN là “nền tảng” thì KTTN chỉ còn là vai trò chủ đạo. Còn kinh tế tập thể không thể được coi là cùng với KTTN giữ vai trò nền tảng – vì trên thực tế kinh tế tập thể không có vị thế quan trọng và nó chỉ là một hình thức kinh tế mang tính “phái sinh” không có vai trò và cơ sở kinh tế – xã hội cho sự phát triển bền vững.

1.5. Về đảng viên làm kinh tế tư

nhân

Chúng ta vẫn chưa có một tiêu chí chính thức và đầy đủ về kinh tế tư bản TN. Song có thể hiểu kinh tế tư bản tư nhân là các doanh nghiệp tư nhân có qui mô lớn.

Qua đối chiếu lý luận và khảo sát thực tế, nhóm nghiên cứu cho rằng, đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân là cần thiết bởi:

• Về mặt đạo lý:

- Đảng viên là công dân - mọi người dân đều có quyền làm giàu chính đáng, đảng viên lại là công dân ưu tú có vai trò tiên phong trong xã hội. Nhà nước đang khuyến khích người dân làm giàu, vì dân có giàu thì nước mới mạnh. Vậy thì với vai trò tiên phong, đảng viên cần thiết tham gia “làm” kinh tế kể cả kinh tế tư nhân ở qui mô lớn.

- Đảng viên là người phải tuân thủ mục đích, tôn chỉ của Đảng. Nếu đảng viên làm kinh tế là góp phần duy trì đường lối chính sách của Đảng. Càng đông đảo đảng viên tham gia làm kinh tế với qui mô lớn thì vai trò “hậu thuẫn” đáng tin cậy cho Đảng càng được tăng cường, đẩy lùi tiêu cực vốn dĩ của kinh tế tư nhân, làm tăng thêm sức mạnh chính trị của Đảng.

• Về đảng viên không tham gia “bóc lột”:

- Nguyên nhân chính yếu mà Đảng cộng sản VN không cho đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân là không được tham gia bóc lột, vi phạm đạo đức của người đảng viên.

- Theo chúng tôi cần có nhận thức mới về “bóc lột” trong điều kiện kinh tế thị trường hiện nay, đặc biệt là trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế. Ngày nay giá trị thặng dư được sáng tạo ra bởi sự kết hợp của nhiều yếu tố hữu hình và vô hình. Nó không dừng lại ở lao động sống, ứng với một trình độ công nghệ còn thấp kém trong thời kỳ lịch sử mà Marx đề cập. Giá trị thặng dư được sáng tạo trong điều kiện kinh tế thị trường ngoài lao động sống, còn góp mặt rất cơ bản của lao động quá khứ, lao động quản lý và nhiều yếu tố thị trường vô hình khác.

- Nhìn ở góc độ khác, người sở hữu giá trị thặng dư, chỉ tiêu dùng cho cá nhân là không đáng kể mà chủ yếu là “XH hóa” giá trị thặng dư bằng con đường tái đầu tư, mở rộng kinh doanh cho tăng trưởng, phát triển kinh tế, tạo nhiều việc làm cho người lao động, góp phần gia tăng tích lũy cho ngân sách nhà nước, phục vụ an sinh cho xã hội.

- Nếu bóc lột mà có lợi cho quốc kế dân sinh thì không có lý do gì chúng ta ngăn trở nó? Theo chúng tôi chúng ta cũng không cần thiết tập trung tranh luận vấn đề này mà hãy nhìn vào hiệu quả và lợi ích của chúng trong đời sống KT-XH.

Tuy nhiên, cần có những điều kiện ràng buộc đối với đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân với những nội dung sau:

- Không còn làm việc trong các cơ quan nhà nước.

- Nguồn gốc rõ ràng về vốn kinh doanh.

- Tôn trọng tôn chỉ của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

2. Đổi mới chính sách đối với kinh tế tư nhân

Dựa vào những dự báo được đúc kết về tình hình kinh tế xã hội trong nước và quốc tế; nhóm tác giả đề xuất 8 chính sách phát triển kinh tế tư nhân sau:

2.1. Chính sách công nhận sự tồn tại khách quan và phát triển lâu dài của kinh tế tư nhân, cùng với sự bảo vệ quyền sở hữu lợi ích hợp pháp của kinh tế tư nhân. Các chính sách đó phải được luật hóa để

thực thi trong hoạt động thực tiễn. Nội dung cốt lõi trong các chính sách trên là bảo đảm sự phát triển bình đẳng của kinh tế tư nhân với các thành phần kinh tế khác, cũng như không hạn chế qui mô và ngành nghề đầu tư của kinh tế tư nhân. Đồng thời dựa vào các chính sách đó, xây dựng cơ chế vận hành và môi trường hoạt động thích ứng với quá trình phát triển và hội nhập.

2.2. Chính sách khuyến khích, thúc đẩy, tích tụ, tập trung vốn để mở rộng tái đầu tư; nâng cao năng lực cạnh tranh kinh tế tư nhân; đúng với vai trò, vị trí của nó trong nền kinh tế quốc dân.

2.3. Chính sách khuyến khích hiện đại hoá công nghệ đối với các doanh nghiệp trong khu vực kinh tế tư nhân, đặc biệt đối với các doanh nghiệp tư nhân có ý nghĩa quan trọng trong nền kinh tế; với sự hỗ trợ của các biện pháp kinh tế-tài chính và pháp lý có hiệu quả của Nhà nước.

2.4. Chính sách bình đẳng về sử dụng đất đai kinh doanh đối với kinh tế tư nhân như các thành phần kinh tế khác, trong tất cả các lĩnh vực kinh tế nông nghiệp, công nghiệp, thương mại, dịch vụ, văn hóa – XH.

2.5. Chính sách tài chính-tín dụng, hướng vào việc hỗ trợ kinh tế tư nhân mở rộng đầu tư, đặc biệt là các ngành kinh tế được Nhà nước khuyến khích; thông qua tác động có hiệu quả của các công cụ: thuế, lãi suất tín dụng, tài trợ (trợ giá, bao tiêu)... trong những trường hợp cần thiết để các DNTN có điều kiện đứng vững trong cạnh tranh và phát triển bền vững.

2.6. Chính sách về thị trường, nhằm tạo môi trường lành mạnh cho kinh tế tư nhân cạnh tranh bình đẳng kể cả thị trường trong và ngoài nước.

2.7. Chính sách khuyến khích kinh tế tư nhân phát triển kinh tế đối ngoại bằng các hình thức đa dạng: liên doanh, liên kết đầu tư, đầu tư ra nước ngoài, tăng cường quan hệ xuất nhập khẩu, chuyển giao công nghệ, tư vấn đầu tư, môi giới đầu tư. Đặc biệt chú trọng thu hút đầu tư của Việt kiều và lực lượng kinh doanh người Việt gốc Hoa với những kinh nghiệm và mối quan hệ rộng rãi của họ.

2.8. Chính sách đào tạo, hỗ trợ nguồn nhân lực và xử lý hợp lý các quan hệ lao động trong khu vực kinh tế tư nhân. Tạo cho kinh tế tư nhân nguồn

nhân lực ổn định, có chất lượng cao, nhằm hình thành thị trường lao động đa dạng, phong phú, đáp ứng nguồn lao động cho đầu tư trong nước và nước ngoài.

3. Giải pháp đối với các loại hình kinh tế tư nhân

Các chính sách trên được thực thi trong hoạt động kinh doanh của kinh tế tư nhân còn cần được hỗ trợ của các giải pháp chủ yếu sau đây:

3.1. Đối với kinh tế cá thể: Khuyến khích kinh tế cá thể mở rộng kinh doanh, tích tụ vốn, tiến tới hình thành các doanh nghiệp nhỏ vừa và phát triển cao hơn.

Đặc biệt trong khu vực nông nghiệp, cần hướng vào các biện pháp chính yếu sau đây:

- Đối với kinh tế nông hộ: khuyến khích tích tụ ruộng đất để phát triển thành kinh tế trang trại. Quá trình tích tụ ruộng đất, sẽ biến một số nông dân không nhất thiết phải duy trì quan điểm người nông dân phải có ruộng đất. Sự tích tụ ruộng đất theo hướng sản xuất lớn sẽ đẩy nhanh hơn tiến trình CNH nông nghiệp và phân công lại XH trong nông nghiệp và nông thôn theo hướng hiện đại hóa.

- Đối với kinh tế trang trại: Kinh tế trang trại phải được coi là loại hình kinh tế tư nhân cơ bản trong nông nghiệp là cơ sở để hình thành và phát triển kinh tế sản xuất hàng hóa lớn trong nông nghiệp. Ở đây có thể mở rộng thêm các hình thức liên kết hợp tác trang trại để tận dụng các lợi thế và nâng cao hiệu quả trong kinh doanh.

- Phát triển các doanh nghiệp trong nông nghiệp. Các doanh nghiệp này cần hoạt động kinh doanh “đa năng” hay khép kín từ sản xuất đến chế biến tiêu thụ sản phẩm.

- Phát triển mạnh công nghiệp nông thôn, trên cơ sở là kinh tế tư nhân.

- Khuyến khích tư nhân đa dạng hóa các hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ ở nông thôn.

3.2. Đối với kinh tế tiểu chủ: Khuyến khích mở rộng qui mô hoạt động, tận dụng mọi trình độ công nghệ: thủ công, cơ giới, đến công nghệ hiện đại để phát triển thành các doanh nghiệp có quy mô nhỏ, vừa, các công ty TNHH và tìm cơ hội tích tụ cao hơn.

3.3. Đối với kinh tế tư bản tư nhân: Khuyến khích đầu tư vào các ngành kinh tế quan trọng có trình độ công nghệ hiện đại. Mở rộng các hình thức liên doanh liên kết trong và ngoài nước, phát triển không hạn chế qui mô các ngành kinh doanh được Nhà nước cho phép.

3.4. Đối với các loại hình kinh tế hỗn hợp: Nhà nước cần coi đây là một hướng quan trọng trong quá trình XH hóa QHSX và cần có những biện pháp thích hợp để mở rộng qui mô phát triển, đủ sức đầu tư vào các ngành kinh tế trọng yếu (kể cả cơ sở hạ tầng) góp phần hiện đại hóa công nghệ làm cơ sở chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo xu hướng phát triển của thời đại.

3.5. Đối với kinh tế tư bản nhà nước: Đây là hình thức kinh tế mà Nhà nước thâm nhập và XH hóa QHSX đối với kinh tế tư bản tư nhân. Tùy theo đặc điểm KT-XH trong mỗi thời kỳ phát triển, có thể giải quyết theo 2 hướng cơ bản:

- Nếu xét thấy Nhà nước cần thiết nắm giữ, thì mở rộng vốn liên kết để nắm ưu thế và từng bước chuyển thành

DNNN.

- Nếu xét thấy, để tư nhân nắm giữ có lợi hơn, thì Nhà nước có thể rút vốn để đầu tư vào các ngành khác.

4. Dự báo về xã hội hóa SHTN & KTTN

Mục tiêu của phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN là trên cơ sở phát triển LLSX, từng bước XH hóa QHSX tiến đến "sở hữu XH", theo quy luật QHSX phải phù hợp với tính chất và trình độ của LLSX.

Bắt nguồn từ cách nhìn đó, nhóm nghiên cứu nhận thấy, việc XH hóa sở hữu tư nhân và kinh tế tư nhân có thể được thực hiện theo các phương pháp và hình thức sau:

Thứ nhất, phát triển các công ty có qui mô lớn hiện đại, các công ty đa quốc gia, xuyên quốc gia để tạo ra một LLSX tiên tiến, hiện đại làm nền tảng cho tiến trình XH hóa QHSX, bằng sự thích ứng giữa QHSX với LLSX.

Thứ hai, phát triển mạnh mẽ kinh tế hỗn hợp (công ty cổ phần). Đây được coi như hình thức xã hội hóa SHTN và

KTTN từ một chủ sở hữu sang đa sở hữu (sở hữu tập thể), tạo bước quá độ cho quá trình XH hóa nền kinh tế.

Thứ ba, phát triển kinh tế tư bản nhà nước nhằm chuyển dần sở hữu tư nhân và kinh tế tư nhân vào hướng XH hóa theo các nguyên tắc phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN. Đây được coi là phương pháp tạo cầu nối để tiến tới XH hóa quan hệ SX, mà cốt lõi là XH hóa quan hệ sở hữu.

Còn nếu Đảng CSVN tiếp tục đổi mới tư duy trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, thì có thể tạo cho nền kinh tế vận hành theo qui luật thị trường và các qui luật kinh tế khách quan.

Trên đây là những quan điểm, chính sách và các giải pháp mới mà nhóm nghiên cứu đề tài KX 01-04 "Sở hữu tư nhân, kinh tế tư nhân và các loại hình kinh tế tư nhân và các loại hình kinh tế tư nhân: Bản chất, vị trí, vai trò của nó trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở VN" kiến nghị với HĐLLTW, đồng thời cũng là góp những tiếng nói vào việc chuẩn bị văn kiện ĐHĐB ĐCSVN lần thứ X ■

(Tiếp theo trang 8)

Nhìn lại gần 20 năm ...

● Đảng của ai? Chỉ là của giai cấp công nhân, hay của nhân dân, của tộc Việt Nam?

● Có thừa nhận có bóc lột trong thực tiễn kinh doanh hay không?

● Có cho phép đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân hay không?

● Có nên duy trì nhiều thành phần kinh tế hay không, hay nên mạnh dạn rời bỏ khái niệm "thành phần", mà chỉ còn ba khu vực công tư, và hỗn hợp công tư? Khi mọi thành phần đều thực sự bình đẳng kinh doanh, thì phân biệt thành phần này nọ còn có ý nghĩa thực tiễn gì nữa?

Đó là một số vấn đề cơ bản phản ánh cục diện mới, yêu cầu mới của đổi mới và xây dựng đất nước. Thực tiễn của đổi mới đã bỏ xa nhiều quan điểm cơ bản của cương lĩnh trước đây. Nhiều quan điểm lý luận truyền thống thể hiện trong cương lĩnh nay đã tỏ ra lỗi thời, cần được điều chỉnh, sửa đổi. V.I. Lênin đã nêu tấm gương về quyết tâm vứt bỏ những quan điểm lỗi thời trong những lời

tổng kết chí tình, ngay trên giường bệnh, chỉ sau hơn một năm thực hiện chính sách kinh tế mới (NEP) ở Liên Xô, ngày 6.1.1923:

"Chúng ta buộc phải thừa nhận là toàn bộ quan điểm của chúng ta về chủ nghĩa xã hội đã thay đổi về căn bản". (5)

Nên chăng coi đó là tư tưởng chỉ đạo trong dịp tổng kết 20 năm đổi mới của Đảng và nhà nước ta. Vì vậy, cũng xin phép không đi vào lập luận chi tiết về các vấn đề vừa nêu trên, vì trong nhiều hội thảo khác, theo tôi biết, đã tranh luận nhiều lần và khá chín muồi.

Vấn đề còn lại là cần nhắc để có những quyết định sáng suốt, sao cho phù hợp với những quy luật phát triển khách quan của cơ chế thị trường, của hội nhập kinh tế quốc tế, của kinh tế tri thức và cuối cùng, cao hơn hết là của yêu cầu dân chủ, cũng là của lòng dân!

Phải chăng đó là ba nội dung lớn mà Đại hội X của Đảng cần tổng kết để đánh giá, và để có câu trả lời đạt mức "khẩu phục tâm phục" trước dân tộc Việt Nam ■

GHI CHÚ

(1) Theo số liệu của Ngân hàng Thế giới công bố, thì thu nhập quốc dân trên đầu người của Trung Quốc, tính theo phương pháp Atlas, năm 1995 là 520 USD, so với Việt Nam cùng năm đó là 250 USD, tức gấp 2,08 lần. Năm 2002, của Trung Quốc là 940 USD, còn của Việt Nam là 430 USD, gấp 2,18 lần; khoảng cách đã mở rộng 0,10 lần, nói cách khác là nền kinh tế của ta đã tụt hậu xa hơn.

(2) Chúng ta đều biết Trung Quốc là xuất xứ của nhiều hàng hóa rẻ, có thể cạnh tranh trên thị trường quốc tế, thế mà chỉ một năm sau khi Trung Quốc gia nhập WTO, một nghiên cứu ở vùng Nội Mông Trung Quốc cho biết hàng nghìn gia đình ở đây đã phải từ bỏ nghề chăn nuôi, để bán các sản phẩm len có truyền thống của mình, vì công nghệ lạc hậu, năng suất thấp, giá thành cao, không cạnh tranh nổi với len Australia, New Zealand. Người trồng mía, và ngành sản xuất đường cũng trong trường hợp tương tự. Sản phẩm đậu tương, bột mì của Trung Quốc cũng không cạnh tranh được với đậu tương và bột mì của Mỹ, đến mức người dân Trung Quốc cho rằng họ "ăn nhiều bánh mì Mỹ hơn là bánh mì Trung Quốc" v.v... có thể dẫn chứng những ví dụ tương tự ở nhiều ngành khác. Một khi tụt hậu, không còn khả năng cạnh tranh, số phận nghiệt ngã là vậy...! Nói vậy để cung cấp thêm liệu cho nền nông nghiệp lạc hậu của đất nước ta, ngăn ngừa hiện tượng tương tự khi hội nhập. (www.vnexpress 11.12.04)

(3) Văn kiện hội nghị lần thứ chín Ban chấp hành trung ương Đảng CSVN, tr.221.

(4) Saigon Times Daily 14.12.2004.

(5) Lênin toàn tập, NXB Tiến Bộ, M.1978, tr.428.